

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH
GIÁO DỤC
TẠI THÀNH
PHỐ HỒ
CHÍ MINH

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
.1=MST:0303280405, E=
KINHDOANH@
SACHGIAODUHCM.COM.VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.07.30
08:59:56
+0700
Foxit PDF Reader Version:
12.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý II Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.956.432.923	48.007.783.056
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.127.490.727	1.969.710.679
1. Tiền	111		1.127.490.727	1.969.710.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.070.079.993	1.213.195.916
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.809.838.797	2.342.446.821
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(739.758.804)	(1.129.250.905)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.212.884.395	8.553.469.581
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.098.173.452	6.848.630.616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.037.793.646	1.438.491.991
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	1.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.966.607.155	556.036.832
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.889.689.858)	(1.889.689.858)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	56.861.825.511	35.777.582.745
1. Hàng tồn kho	141		58.815.166.997	37.730.924.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.953.341.486)	(1.953.341.486)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		684.152.297	493.824.135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	46.652.681	14.296.596
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.701.018	21.492.335
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	603.798.598	458.035.204
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.871.741.009	38.619.526.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.401.588.487	12.182.154.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	5.933.431.615	5.707.053.310
- Nguyên giá	222		17.060.564.161	16.463.897.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.127.132.546)	(10.756.843.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.468.156.872	6.475.101.313
- Nguyên giá	228		6.595.856.872	6.595.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.700.000)	(120.755.559)
III. Bất động sản đầu tư	230		11.207.984.197	11.362.323.271
- Nguyên giá	231		12.488.084.119	12.488.084.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.280.099.922)	(1.125.760.848)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	242.819.341	77.865.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		242.819.341	77.865.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	8.234.105.593	8.991.281.281
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.234.105.593	8.991.281.281
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.785.243.391	6.005.902.037
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	5.700.731.447	5.855.453.413
5. Lợi thế thương mại	269		84.511.944	150.448.624
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.828.173.932	86.627.309.268

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.963.176.181	27.999.164.632
I. Nợ ngắn hạn	310		40.009.085.286	22.045.073.737
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	26.260.078.960	8.081.324.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.896.616.818	376.273.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	193.559.822	354.530.649
4. Phải trả người lao động	314		598.939.602	602.021.173
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	404.481.000	360.879.548
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	164.688.704	435.578.317
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	9.734.545.456	12.078.290.912
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(243.825.076)	(243.825.076)
II. Nợ dài hạn	330		17.954.090.895	5.954.090.895
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	45.000.000	45.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	17.909.090.895	5.909.090.895
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.864.997.751	58.628.144.636
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	56.864.997.751	58.628.144.636
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.249.408.656	2.249.408.656
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.101.530.000	1.101.530.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(679.873.904)	(679.873.904)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.218.972.459	1.218.972.459
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		178.969.670	1.264.266.503
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		774.186.172	2.318.556.428
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(595.216.503)	(1.054.289.925)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.425.990.870	12.103.840.922
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.828.173.932	86.627.309.268

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2025	Quý II/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	50.819.817.694	53.973.942.563	56.527.588.959	58.229.437.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(6.092.000)	-	2.546.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.819.817.694	53.980.034.563	56.527.588.959	58.226.891.787
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.282.091.966	48.239.515.977	50.509.605.880	50.977.761.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.537.725.728	5.740.518.586	6.017.983.079	7.249.130.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	489.484.673	758.796.697	520.984.240	759.517.958
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	639.065.885	233.043.735	983.658.263	582.101.089
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		445.725.619	439.838.479	790.317.997	788.895.833
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(241.347.408)	-	(241.347.408)	(700.261.326)
9. Chi phí bán hàng	25		2.051.106.815	2.544.783.064	3.389.685.998	3.552.261.609
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.374.039.677	2.096.442.825	2.512.382.875	3.334.593.309
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		721.650.617	1.625.045.659	(588.107.225)	(160.568.999)
12. Thu nhập khác	31		-	73.248.621	64.714.647	73.711.584
13. Chi phí khác	32		15.501.000	117.517.548	34.308.349	128.395.978
14. Lợi nhuận khác	40		(15.501.000)	(44.268.927)	30.406.298	(54.684.394)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		706.149.617	1.580.776.732	(557.700.927)	(215.253.393)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		26.955.479	225.422.920	26.955.479	291.386.481
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2025	Quý II/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		679.194.138	1.355.353.812	(584.656.406)	(506.639.874)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		318.142.567	190.787.402	(595.216.503)	(631.401.511)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		361.051.571	456.110.310	10.560.097	124.761.637
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		77	47	(144)	(153)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		77	47	(144)	(153)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(557.700.927)	(215.253.393)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		531.572.271	631.055.905
- Các khoản dự phòng	03		(389.492.101)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(258.938.821)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(279.636.832)	107.421.468
- Chi phí lãi vay	06		790.317.997	788.895.833
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		95.060.409	1.053.180.992
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.230.949.620)	(12.478.088.183)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.084.242.766)	(41.004.867.291)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.832.030.558	52.489.279.455
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		188.302.562	(439.918.605)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(2.467.391.976)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(733.216.545)	(833.640.170)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(439.576.631)	(561.812.623)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.839.984.010)	(1.775.866.425)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(761.621.402)	(626.828.197)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.600.000.000	700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		545.754.104	592.839.858
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		1.384.132.702	266.011.661

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(50.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		18.650.000.000	27.466.411.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.993.745.456)	(21.512.013.744)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		7.376.812	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.613.631.356	5.954.397.256
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(842.219.952)	4.444.542.492
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.969.710.679	2.905.231.687
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.127.490.727	7.349.774.179

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đào Thị Thanh Ban

Đào Thị Thanh Ban

Ngô Trọng Vinh

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103002336, đăng ký lần đầu ngày ngày 24 tháng 5 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam)

Trụ sở chính của Công ty tại: 363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong kỳ

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học	80,99%	80,99%
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai	Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học	56,80%	56,80%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	Sản xuất điện	25%	25%
Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Lê Thanh (*)	Giáo dục mầm non	49%	39,69%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*): Là các công ty con của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Vĩnh Long kiểm soát gián tiếp thông qua quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Vĩnh Long.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục hợp nhất trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán...) được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Công ty ghi nhận từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

b. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	06 - 25
Máy móc thiết bị	3	3
Phương tiện vận tải	Hết khấu hao	Hết khấu hao
Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không khấu hao	Không khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, ...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm.

hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	507.348.024	225.991.926
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	620.142.703	1.743.718.753
Cộng	1.127.490.727	1.969.710.679

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh***Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ				Đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết		3.460.348.787	3.527.122.000	(112.945.544)		1.029.838.821	412.340.513	(617.498.308)
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục thành phố Hà Nội (EBS)	10	95.577	112.000	-	10	95.577	109.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB)	124.700	3.037.557.666	3.217.260.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG)	105.000	422.695.544	309.750.000	(112.945.544)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (SD4)	-	-	-	-	3.000	36.365.340	8.768.266	(27.597.074)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	-	-	-	-	87.600	992.861.234	402.960.000	(589.901.234)
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (FLC)	-	-	-	-	87	516.670	516.670	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		1.312.608.000	715.406.250	(597.201.750)		1.312.608.000	800.855.403	(511.752.597)
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC) ⁽ⁱ⁾	46.875	1.312.608.000	715.406.250	(597.201.750)	46.875	1.312.608.000	800.855.403	(511.752.597)
Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV (CST) ⁽ⁱ⁾	3.000	36.365.340	6.966.000	(29.399.340)	-	-	-	-
Cộng		4.809.838.797	4.249.798.750	(739.758.804)		2.342.446.821	1.625.549.852	(1.129.250.905)

Các chứng khoán kinh doanh hiện niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(i): Chứng khoán của các Công ty có cổ phiếu chưa niêm yết hiện đang giao dịch trên UPCoM, theo đó giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá tham chiếu trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ				Đầu năm			
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết		7.450.000.000	-	8.234.105.593		7.450.000.000	-	8.991.281.281
Công ty Cổ phần Năng lượng EBS Solar Việt Nam	25,00%	5.000.000.000	-	5.760.543.111	25,00%	5.000.000.000	-	6.517.718.799
Công ty CP Đầu tư Giáo dục Lê Thanh	49,00%	2.450.000.000	-	2.473.562.482	49,00%	2.450.000.000	-	2.473.562.482
Cộng		7.450.000.000	-	8.234.105.593		7.450.000.000	-	8.991.281.281

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Vũng Liêm	98.853.000	793.792.226
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng cơ bản huyện Trà Ôn	247.800.400	527.763.100
Hộ kinh doanh Ngọc Trúc	1.080.422.375	1.552.866.435
Nhà sách Lưu Kim Ngân	261.004.142	391.004.142
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Các đối tượng khác	10.858.687.013	3.031.798.191
Cộng	13.098.173.452	6.848.630.616

4. Trả trước cho người bán

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam	697.121.384	1.028.097.807
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Đồng Tháp	199.246.035	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	338.835.484
Các đối tượng khác	141.426.227	71.558.700
Cộng	1.037.793.646	1.438.491.991

5. Phải thu về cho vay

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Bà Lê Thị Tuyết Nhung	-	1.600.000.000
Cộng	-	1.600.000.000

6. Phải thu khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	465.190.955	335.780.067
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.720.826	50.720.826
Phải thu khác	1.450.695.374	169.535.939
Lãi dự thu	-	7.210.959
Phải thu khác	1.450.695.374	162.324.980
Cộng	1.966.607.155	556.036.832

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***7. Nợ xấu**

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn						
Phải thu khách hàng	1.889.689.858	1.889.689.858	-	1.889.689.858	1.889.689.858	-
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522	-	551.406.522	551.406.522	-
Văn phòng phẩm Phương Vy	278.439.980	278.439.980	-	278.439.980	278.439.980	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	390.236.848	390.236.848	-	390.236.848	390.236.848	-
Các đối tượng khác	669.606.508	669.606.508	-	669.606.508	669.606.508	-
Cộng	1.889.689.858	1.889.689.858	-	1.889.689.858	1.889.689.858	-

8. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	22.484.364	-	22.484.364	-
- Thành phẩm	19.698.778.106	(1.056.681.405)	1.749.732.206	(1.056.681.405)
- Hàng hoá	39.093.904.527	(896.660.081)	35.958.707.661	(896.660.081)
Cộng	58.815.166.997	(1.953.341.486)	37.730.924.231	(1.953.341.486)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	14.296.596
Chi phí mua bảo hiểm	29.482.579	-
Các khoản khác	17.170.102	-
Cộng	46.652.681	14.296.596
b. Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	325.449.255	371.326.451
Chi phí thi công sửa chữa	15.693.746	42.477.664
Tiền thuê đất trả trước dài hạn	5.351.642.360	5.414.602.856
Các khoản khác	7.946.086	27.046.442
Cộng	5.700.731.447	5.855.453.413

10. Tài sản dở dang dài hạn**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Xây dựng cơ bản	242.819.341	77.865.000
+ <i>Nhà sách tổng hợp</i>	<i>77.865.000</i>	<i>77.865.000</i>
+ <i>Dự án Siêu Thị Sách</i>	<i>164.954.341</i>	-
Cộng	242.819.341	77.865.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.361.687.470	548.208.570	3.704.691.876	849.309.184	16.463.897.100
Số tăng trong kỳ	561.569.746	-	-	35.097.315	596.667.061
- <i>Mua trong kỳ</i>	561.569.746	-	-	35.097.315	596.667.061
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.923.257.216	548.208.570	3.704.691.876	884.406.499	17.060.564.161
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư Đầu năm	7.210.357.852	316.753.273	2.858.016.353	371.716.312	10.756.843.790
Số tăng trong kỳ	183.305.484	40.003.385	114.053.406	32.926.481	370.288.756
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	183.305.484	40.003.385	114.053.406	32.926.481	370.288.756
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.393.663.336	356.756.658	2.972.069.759	404.642.793	11.127.132.546
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.151.329.618	231.455.297	846.675.523	477.592.872	5.707.053.310
Tại ngày cuối kỳ	4.529.593.880	191.451.912	732.622.117	479.763.706	5.933.431.615

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.468.156.872	127.700.000	6.595.856.872
Số dư cuối kỳ	6.468.156.872	127.700.000	6.595.856.872
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	120.755.559	120.755.559
Số tăng trong kỳ	-	6.944.441	6.944.441
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	6.944.441	6.944.441
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	127.700.000	127.700.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.468.156.872	6.944.441	6.475.101.313
Tại ngày cuối kỳ	6.468.156.872	-	6.468.156.872

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	9.734.545.456	9.734.545.456	6.650.000.000	8.993.745.456	12.078.290.912	12.078.290.912
Vay ngắn hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Sở Giao dịch Đồng Nai ^(a)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	454.545.456	454.545.456	-	493.745.456	948.290.912	948.290.912
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Long ^(b)	454.545.456	454.545.456	-	493.745.456	948.290.912	948.290.912
Ông Hồ Trung Hậu	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Ông Lê Thanh Nhã	1.850.000.000	1.850.000.000	300.000.000	-	1.550.000.000	1.550.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thắng	1.130.000.000	1.130.000.000	350.000.000	-	780.000.000	780.000.000
b. Vay dài hạn	17.909.090.895	17.909.090.895	12.000.000.000	-	5.909.090.895	5.909.090.895
Vay dài hạn	17.909.090.895	17.909.090.895	12.000.000.000	-	5.909.090.895	5.909.090.895
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Long ^(b)	17.909.090.895	17.909.090.895	12.000.000.000		5.909.090.895	5.909.090.895
Tổng cộng	27.643.636.351	27.643.636.351	18.650.000.000	8.993.745.456	17.987.381.807	17.987.381.807

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***14. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	10.543.174.058	10.543.174.058	3.487.873.612	3.487.873.612
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục Phương Nam	5.538.500.379	5.538.500.379	169.703.075	169.703.075
Công ty Cổ phần Sách Cánh Diều Miền Nam	4.365.377.340	4.365.377.340	-	-
Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	5.813.027.183	5.813.027.183	4.423.748.153	4.423.748.153
Cộng	26.260.078.960	26.260.078.960	8.081.324.840	8.081.324.840

15. Người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trường THPT Long Thành	200.000.000	-
Trung tâm giới thiệu SPGD (CNNSS1)-Trần T Thanh Trúc	318.254.384	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Đồng Tháp	189.966.925	-
Các đối tượng khác	2.188.395.509	376.273.374
Cộng	2.896.616.818	376.273.374

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND***16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	104.040.296	83.604.352	197.734.879	155.799.758	96.687.156	122.304.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp	334.647.376	266.014.922	26.955.479	439.576.631	481.253.606	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.347.532	1.911.375	85.609.391	83.078.666	23.582.981	4.559.350
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	168.463.997	170.738.852	2.274.855	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	69.695.940	6.000.000	-	66.695.940
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	458.035.204	354.530.649	554.459.686	861.193.907	603.798.598	193.559.822

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	90.000.000	32.898.548
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	249.481.000
Các khoản khác	65.000.000	78.500.000
Cộng	404.481.000	360.879.548

18. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.784.713	1.784.713
Bảo hiểm xã hội	13.196.982	-
Bảo hiểm y tế	506.250	-
Bảo hiểm thất nghiệp	258.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	75.927.512	369.456.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.015.247	34.337.104
Cộng	164.688.704	435.578.317
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược của các Nhà sách dài hạn	45.000.000	45.000.000
Cộng	45.000.000	45.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)***Đơn vị tính : VND***19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	41.370.000.000	2.249.408.656	-	(679.873.904)	1.193.740.502	3.445.318.385	12.052.644.036	59.631.237.675
Lỗ trong năm trước	-					(1.054.289.925)	633.001.686	(421.288.239)
Tăng trong năm	-		1.101.530.000		25.231.957	-	-	1.126.761.957
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	-			-	-	-	-	-
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(1.126.761.957)	(581.804.800)	(1.708.566.757)
Số dư cuối năm trước	41.370.000.000	2.249.408.656	1.101.530.000	(679.873.904)	1.218.972.459	1.264.266.503	12.103.840.922	58.628.144.636
Số dư đầu năm nay	41.370.000.000	2.249.408.656	1.101.530.000	(679.873.904)	1.218.972.459	1.264.266.503	12.103.840.922	58.628.144.636
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(595.216.503)	10.560.097	(584.656.406)
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty mẹ		-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(662.602.200)	(662.602.200)
Tăng/giảm khác	-		-	-		(490.080.331)	(25.807.949)	(515.888.280)
Số dư cuối kỳ này	41.370.000.000	2.249.408.656	1.101.530.000	(679.873.904)	1.218.972.459	178.969.670	11.425.990.870	56.864.997.751

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.137.000</i>	<i>4.137.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	94.000	94.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>94.000</i>	<i>94.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.043.000</i>	<i>4.043.000</i>

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

c) Các quỹ của Công ty

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.199.483.599	14.199.483.599
Cộng	14.199.483.599	14.199.483.599

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II/2025 VND	Quý II/2024 VND
Doanh thu bán sách	50.383.926.359	53.569.573.572
Doanh thu bán thành phẩm điện	435.891.335	404.368.991
Cộng	50.819.817.694	53.973.942.563

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II/2025 VND	Quý II/2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.190.574.438	48.144.730.795
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	77.169.537	96.374.296
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.347.991	-
Cộng	46.282.091.966	48.239.515.977

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II/2025 VND	Quý II/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	(10.523.327)	92.493.899
Chiết khấu thanh toán	-	166.294.798
Cổ tức, lợi nhuận được chia	500.008.000	500.008.000
Cộng	489.484.673	758.796.697

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

363 Hưng Phú, phường Chánh Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Quý II/2025	Quý II/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay, lãi trái phiếu	445.725.619	439.838.479
Lỗ do thanh lý công ty con	582.361.466	
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(389.492.101)	(206.794.744)
Chi phí tài chính khác	470.901	
Cộng	639.065.885	233.043.735

Người lập biểu**Đào Thị Thanh Ban****Kế toán trưởng****Đào Thị Thanh Ban****Chủ tịch Hội đồng quản trị****Ngô Trọng Vinh**

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2025